TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DSST
Ngày: 31 – 3 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyện**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Dân An**;

Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Việt**, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**. Địa chỉ: Tòa nhà T, số 2 đường Trần Quang Khải, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn M Đăng Kh** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B – chi nhánh Tây Ninh.

Đại diện ủy quyền lại: Ông **Võ Nguyễn Hoàng Q**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 3 đường B khu phố X, phường H, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 6, đường C, khu phố H, phường HT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây

Ninh. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ KIỆN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn anh Võ Nguyễn Hoàng Q trình bày:

Ngày 25/10/2019 ông Trần Văn M có kí kết hợp đồng tín dụng số HDTD5602019524 vay Ngân hàng TMCP B chi nhánh Tây Ninh số tiền 80.000.000 đồng. Hình thức vay là hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp hưu trí, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày kí khế ước nhận nợ, khoản vay sẽ giải ngân một lần, phương thức cho vay: vay từng lần, trả nợ gốc cố định mỗi tháng 1.335.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo dự nợ thực tế, trả vào ngày 10 dương lịch hằng tháng, trả trong 60 tháng. Từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 59 mỗi tháng trả 1.335.000 đồng, tháng thứ 60 trả 1.235.000 đồng. Mức lãi suất cho vay trong hạn 16%/1 năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 8%/1 năm. Từ thời điểm vay đến nay ông M, bà V đã trả cho Ngân hàng được 33.375.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi trả được 20.566.530 đồng (trả từ ngày 31/10/2019 đến hết ngày 10/3/2022). Tính đến ngày 28/02/2023 ông M, bà V còn nợ Ngân hàng các khoản tiền sau:

Tiền gốc 46.625.000 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi đồng)

Tiền lãi trong hạn 234.809 đồng (hai hai trăm ba mươi tư nghìn tám trăm lẻ chín nghìn đồng).

Lãi quá hạn: lãi quá hạn 11.069.303 đồng (mười một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm lẻ ba đồng).

Tổng cộng số tiền ông M, bà V còn thiếu Ngân hàng tính đến ngày 31/3/2023 là: 58.862.257 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông M, bà V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày hòa giải 28/02/2023 là 58.862.257 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) và tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra, ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Văn M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022: Ông M thừa nhận có vay Ngân hàng TMCP B số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 25/10/2019 thời hạn vay 60 tháng, hình thức vay tín chấp, trả tiền gốc là 1.335.000 đồng và tiền lãi theo dư nợ thực tế vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Ông M đã trả đầy đủ tiền lãi và gốc cho Ngân hàng từ khi vay đến tháng 7/2022 do ông bị

bệnh nên không còn khả năng trả. Nay Ngân hàng khởi kiện ông M đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng đề nghị xem xét lại số tiền nợ gốc ông còn thiếu, theo ông M số tiền nợ gốc ông M còn nợ Ngân hàng chưa tới 46.625.000. Do bị bệnh không đi lại được nên ông M xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử, công khai chứng cứ của Tòa án các cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022: Bà V là vợ ông M, bà thừa nhận vợ chồng bà có vay Ngân hàng TMCP B số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 25/10/2019 thời hạn vay 60 tháng, hình thức vay tín chấp, trả tiền gốc là 1.335.000 đồng và tiền lãi theo dư nợ thực tế vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Ông M, bà V đã trả đầy đủ tiền lãi và gốc cho Ngân hàng từ khi vay đến tháng 7/2022 do ông M bị bệnh nên không còn khả năng trả. Nay Ngân hàng khởi kiện bà V đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng đề nghị xem xét lại số tiền nợ gốc vợ chồng bà còn thiếu, theo bà V số tiền nợ gốc ông M, bà V còn nợ Ngân hàng chưa tới 46.625.000 đồng. Do ông M bị bệnh không đi lại được, bà V phải chăm ông M nên xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử, công khai chứng cứ của Tòa án các cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về việc đưa vụ án ra xét xử trễ hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc 46.625.000 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Nguyễn Hoàng Q, bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp các đương sự vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-9-2022 Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng HDTD5602019524 giữa Ngân hàng TMCP B với ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị V nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" và ông M, bà V cư trú tại địa chỉ: Số 6, đường C, khu phố H, phường HT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng yêu cầu ông M, bà V trả số tiền nợ 58.862.257 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: tiền gốc 46.625.000 đồng và tiền lãi trong hạn 260195 đồng, Lãi quá hạn: 11.977.062 đồng . Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Bị đơn ông M, bà V cho rằng ông bà đã trả tiền nợ cho Ngân hàng đến tháng 7/2022 nhưng không cung cấp được chứng từ, giấy tờ về việc trả nợ cho Ngân hàng. Nguyên đơn Ngân hàng đã cung cấp được chứng cứ là hợp đồng tín dụng HDTD5602019524 ngày 25/10/2019, thông báo nợ quá hạn, sao kê lịch trả nợ. Theo đại diện Ngân hàng trong thời gian tháng 6, tháng 10, tháng 11 năm 2021 ông M, bà V không trả tiền cho Ngân hàng, đến tháng 12/2021, tháng 01, tháng 3 năm 2022 ông M, bà V mới trả tiền thì Ngân hàng trừ vào những tháng ông M, bà V không trả, theo đó số tiền ông M, bà V đã trả nợ được cho Ngân hàng là đến ngày 10/11/2021, từ tháng 12/2021 đến nay ông M, bà V chưa trả tiền cho Ngân hàng được lần nào. Do ông M, bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 31-3-2023 thì ông M, bà V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 46.625.000 đồng, sau ngày này Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông M, bà V thanh toán số tiền gốc là 46.625.000 đồng là có căn cứ. Đối với lãi suất trong hợp đồng tín dụng ông M, bà V có cam kết là đã đọc và đồng ý ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện ký hợp đồng tín dụng. Trong bảng Điều khoản và Điều kiện hợp đồng tín dụng có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí nên ông M, bà V còn phải chịu lãi và phí theo quy định. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Như nhận định trên, toàn bộ đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về án phí và lệ phí Tòa án. Bà V trên 60 tuổi nên được miễn án phí, ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 26,39, 92,147,227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị V về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 58.862.257 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) trong đó: tiền gốc là 46.625.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31-3-2023 là 12.257.257 đồng.

2. Kể từ ngày 01-4-2023 ông M, bà V còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD5602019524 ngày 25/10/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B với ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị V cho đến khi trả xong số tiền nợ trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu 1.471.000 đồng (một triệu bón trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Bà Nguyễn Thị V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu tiền án phí nên hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.335.000 đồng *(một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0021100 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS Thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thị Nguyện